

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2023/DS-ST

Ngày: 05 - 01 - 2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Thanh Phát.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hồng Cúc.
2. Ông Trương Thanh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thuý An - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 269/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A.

1.1. Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Tiết Văn T - chức vụ: Tổng giám đốc.

Địa chỉ: Số 02, phường Ô, quận B, Thành phố Hà Nội.

1.2. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phan Văn H, sinh năm: 1975 - chức vụ: Giám đốc Ngân hàng A - chi nhánh huyện R (văn bản ủy quyền số: 398/QĐ-NHNo-PC ngày 23/3/2021).

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn R, huyện R, tỉnh Kiên Giang.

1.3. *Người được ủy quyền lại của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn E, sinh năm: 1975 - chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng A - chi nhánh huyện R (văn bản ủy quyền ngày 28/12/2022, có mặt).

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn R, huyện R, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:*

2.1. Bà Trần Hồng K, sinh năm: 1983 (có mặt).

2.2. Bà Phạm Thị Út N, sinh năm: 1965 (có đơn đề nghị vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp U, xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/7/2022 của nguyên đơn và tại phiên toà, ông Nguyễn Văn T là người được ủy quyền lại của nguyên đơn trình bày:

Ngày 29/11/2019, bà Trần Hồng K và bà Phạm Thị Út N (quan hệ mẹ, con), ký kết hợp đồng tín dụng số: 7705-LAV-201903575 với Ngân hàng A - chi nhánh huyện R, vay tiền là 200.000.000 đồng, mục đích vay xây dựng nhà ở, hình thức vay tín chấp (trừ lương của bà K), thời hạn vay là 60 tháng, kể từ ngày giải ngân (ngày 19/12/2019) đến ngày 25/11/2024, lãi suất thỏa thuận theo hợp đồng là 11%/ năm (tại thời điểm ký kết), lãi suất được điều chỉnh từng thời kỳ, khi điều chỉnh lãi suất phía Ngân hàng sẽ thông báo cho bà K và bà Nhỏ biết, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả tiền lãi là 10%/ năm, kỳ hạn trả nợ gốc và lãi thực hiện theo kỳ (bảng kế hoạch trả nợ ngày 19/12/2019).

Kể từ ngày 01/01/2022, cho đến nay bà K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, phía Ngân hàng có thông báo việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ, thông báo nợ quá hạn và yêu cầu thanh toán nợ nhưng đến nay bà K vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ.

Xét thấy, bà K không có thiện chí trong việc thanh toán nợ cho Ngân hàng. Vì vậy, theo đơn khởi kiện Ngân hàng A (gọi tắt là Ngân hàng) yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà K và bà N phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng các khoản tiền vay còn nợ. Tuy nhiên, tại phiên toà người được ủy quyền lại của nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện đối với bà Phạm Thị Út N, chỉ yêu cầu bà K trả nợ, cụ thể như sau: Tiền vay vốn là 112.811.000 đồng, tiền lãi trong hạn (kể từ ngày 01/01/2022 đến ngày 05/01/2023) là 12.579.199 đồng, tổng cộng là 125.390.199 đồng. Ngoài ra, yêu cầu bà K tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, kể từ

ngày 06/01/2023 cho đến khi thanh toán dứt nợ. Ngân hàng không đồng ý để bà K trả hàng tháng tiền vốn vay, giảm tiền lãi theo đề nghị của bà K.

Tại phiên toà, bà Trần Hồng K là bị đơn trình bày:

Bà thừa nhận có ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng A - chi nhánh huyện R là đúng và thống nhất với lời trình bày của phía Ngân hàng về các thỏa thuận trong hợp đồng. Tuy nhiên, việc bà ký kết hợp đồng tín dụng mẹ của bà (Phạm Thị Út N) không biết, không sử dụng tiền vay và sau khi nhận tiền vay bà không sử dụng vào mục đích xây dựng nhà ở. Khi bà vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận thì phía Ngân hàng có thông báo cho bà biết, yêu cầu trả nợ nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn, thu nhập không ổn định nên cho đến nay vẫn chưa trả nợ cho Ngân hàng.

Bà đồng ý trả cho Ngân hàng tiền vay vốn còn nợ là 112.811.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 12.579.199 đồng, tổng cộng là 125.390.199 đồng và đồng ý trả tiền lãi phát sinh, bà đề nghị phía Ngân hàng xem xét để bà trả dần hàng tháng tiền vay vốn theo khả năng và giảm tiền lãi.

Theo biên bản Toà án làm việc ngày 08/12/2022, bà Phạm Thị Út N là bị đơn trình bày:

Bà là mẹ của bà K, bà không biết và không có liên quan đến hợp đồng tín dụng giữa con bà với Ngân hàng; chữ ký và chữ viết họ tên Phạm Thị Út N trong hợp đồng tín dụng số: 7705-LAV-201903575 không phải do bà ký và viết. Do đó, bà không đồng ý cùng chịu trách nhiệm với con bà để thanh toán nợ cho Ngân hàng. Bà K vay tiền mục đích làm gì thì bà không biết nhưng phải có trách nhiệm thanh toán nợ cho Ngân hàng. Vì lý do nuôi chồng bệnh, bà đã lớn tuổi đi lại khó khăn nên đề nghị vắng mặt khi Tòa án xét xử.

Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án, xem xét việc thụ lý vụ án, cấp tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng và tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký và của đương sự đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Hợp đồng tín dụng giữa bà K với Ngân hàng ký kết trên cơ sở tự nguyện và phù hợp với các quy định của pháp luật. Vì vậy, các bên có quyền, nghĩa vụ thực hiện đúng theo các thỏa thuận trong hợp đồng, khi bà K vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận thì phía Ngân hàng có thông báo nợ quá hạn và yêu cầu thanh toán nợ nhưng cho đến nay bà K vẫn chưa trả nợ là vi phạm hợp đồng và vi

phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Cho nên, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà K phải trả tiền vay còn nợ hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và có cơ sở chấp nhận. Căn cứ vào khoản 4 Điều 11, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc bà K phải trả cho Ngân hàng tiền vay vốn còn nợ là 112.811.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 12.579.199 đồng, tổng cộng là 125.390.199 đồng. Đồng thời, bà K còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện đối với bà Phạm Thị Út N. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị chấp nhận và đình chỉ xét xử.

Về án phí: Đề nghị hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp và buộc bà K phải chịu án phí sơ thẩm giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu bà K và bà N phải trả tiền vay còn nợ theo hợp đồng tín dụng, bà K vay với tư cách cá nhân, không có đăng ký kinh doanh, mục đích vay xây dựng nhà ở, đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà K và bà N là bị đơn có nơi cư trú tại huyện R, căn vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Bà N là bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hợp lệ, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bà N.

[2]. Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa, giữa nguyên đơn và bị đơn là bà K thống nhất xác định: Ngày 29/11/2019, bà K ký kết hợp đồng tín dụng số: 7705-LAV-201903575 với Ngân hàng A - chi nhánh huyện R để vay tiền. Đồng thời, bà K thừa nhận còn nợ Ngân hàng tiền vay vốn là 112.811.000 đồng và tiền lãi, kể từ ngày 01/01/2022 cho đến nay. Vì vậy, có căn cứ xác định việc hai bên có xác lập hợp đồng vay tín dụng với nhau là sự thật và việc ký kết hợp đồng giữa hai bên hoàn toàn tự nguyện phù hợp theo quy định tại

Điều 463 của Bộ luật dân sự. Do đó, các bên phải thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết.

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A (gọi tắt là Ngân hàng), Hội đồng xét xử thấy rằng:

Mặc dù, hợp đồng tín dụng chưa đến thời hạn thanh toán nợ (ngày 25/11/2024) nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ định kỳ (theo kế hoạch trả nợ ngày 19/12/2019, bút lục 12), kể từ ngày 01/01/2022 cho đến nay và sau khi nhận tiền vay bà K không sử dụng vào mục đích xây dựng nhà ở. Do đó, bà K đã vi phạm thỏa thuận, theo khoản 3 Điều 1, khoản 2 - 3 Điều 5 của hợp đồng tín dụng.

Khi bà K vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, phía Ngân hàng có thông báo nợ quá hạn, yêu cầu thanh toán nợ (bút lục 17) nhưng đến nay bà vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghĩa vụ của bên vay, theo Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, Ngân hàng có quyền thu hồi nợ trước hạn đối với khách hàng trong trường hợp: Khách hàng vi phạm nội dung thỏa thuận trong hợp đồng không có biện pháp khắc phục khả thi được Ngân hàng chấp thuận. Vì vậy, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà K phải có nghĩa vụ thanh toán nợ vay là có cơ sở và đúng với sự thỏa thuận của hai bên.

Việc bà K đề nghị phía Ngân hàng xem xét cho thời gian trả dần hàng tháng tiền vốn vay và giảm tiền lãi nhưng không được phía Ngân hàng chấp nhận, nên đề nghị của bà K không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

Đối với yêu cầu và đề nghị về tiền lãi: Theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, lãi suất trong hạn là 11%/ năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, nếu bên vay chậm trả tiền lãi thì phải chịu phạt do chậm trả tiền lãi là 10%/ năm. Tuy nhiên, theo bảng kê tiền lãi do Ngân hàng cung cấp tại phiên tòa, chỉ yêu cầu bà K trả tiền lãi trong hạn (kể từ ngày 01/01/2022 đến ngày 05/01/2023 là 370 ngày), không yêu cầu trả tiền lãi quá hạn, không yêu cầu phạt chậm trả tiền lãi, Ngân hàng đã thực hiện đúng theo thỏa thuận, có lợi cho bà K phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

$$112.811.000 \text{ đồng} \times 11\% \times 370 \text{ ngày} / 365 = 12.579.199 \text{ đồng}.$$

Từ những nhận định và căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với bà K, buộc bà K phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng các khoản tiền vay còn nợ, tạm tính đến ngày 05/01/2023, cụ thể như sau: Tiền vay

vốn là 112.811.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 12.579.199 đồng, tổng cộng là 125.390.199 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà K còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: 7705-LAV-201903575 ngày 29/11/2019 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

[2.2]. Về trách nhiệm trả nợ: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bà N (mẹ bà K) phải có trách nhiệm với bà K trả nợ cho Ngân hàng, tại phiên tòa phía Ngân hàng tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện đối với bà N. Xét thấy, việc rút yêu cầu của phía Ngân hàng đối với bà N là tự nguyện, không trái với quy định pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả cho Ngân hàng A (Agribank chi nhánh huyện R), tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.950.000 đồng, do ông Nguyễn Thành Y nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008617 ngày 19/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R.

Bà Trần Hồng K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch tương ứng với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là:

$125.390.199 \text{ đồng} \times 5\% = 6.269.509 \text{ đồng}$, tính tròn là 6.270.000 đồng.

[4]. Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 4 Điều 11, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự;

Khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà Trần Hồng K.

Buộc bà Trần Hồng K phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A (Agribank chi nhánh huyện R), các khoản tiền còn thiếu, tạm tính đến ngày 05/01/2023, cụ thể như sau:

Tiền vay vốn là 112.811.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 12.579.199 đồng, tổng cộng là 125.390.199 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu ba trăm chín mươi nghìn một trăm chín mươi chín đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 06/01/2023), bà Trần Hồng K còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: 7705-LAV-201903575 ngày 29/11/2019 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A về việc yêu cầu bà Phạm Thị Út N có trách nhiệm với bà Trần Hồng K trả nợ cho Ngân hàng.

3. Về án phí: Trả cho Ngân hàng A (Agribank chi nhánh huyện R), tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.950.000 đồng (hai triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng), do ông Nguyễn Thành Y nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008617 ngày 19/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R, tỉnh Kiên Giang.

Bà Trần Hồng K phải chịu án phí sơ thẩm là 6.270.000 đồng (sáu triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng)

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng A, bà Trần Hồng K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 05/01/2023); bà Phạm Thị Út N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Thi hành án huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Thanh Phát